

## TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

# TÔN GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

HOÀNG THỊ HẠNH<sup>(\*)</sup>

**T**ừ khi xuất hiện đến nay, tôn giáo đã và đang đóng vai trò không nhỏ trên mọi phương diện đời sống loài người. Trong tác phẩm *Đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản* (The Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism)<sup>(1)</sup>, nhà xã hội học người Đức là Max Weber cho rằng, “biến thể Tin Lành của Kitô giáo ở Phương Tây có thể sản sinh ra đạo đức duy lý và góp phần vào thắng lợi của sự biến đổi lịch sử vĩ đại - sự hình thành chủ nghĩa tư bản và sự phát triển năng động của xã hội”<sup>(2)</sup>. Bởi vì, chính những giáo lý đạo Tin Lành (Protestantism) là cơ sở lý luận và nguồn gốc tâm lý hình thành chủ nghĩa khổ hạnh (Asceticism) trong đời sống xã hội Châu Âu, mà chủ nghĩa khổ hạnh là một trong những nguyên nhân phát sinh lối sống giản dị, tiết kiệm, trung thực trong xã hội tư bản giai đoạn đầu; đến lượt mình, lối sống giản dị, tiết kiệm đó lại là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp thu tư tưởng và phương pháp luận gợi mở đó, trong bài viết này, từ góc nhìn thực tiễn, chúng tôi đi vào phân tích những ảnh hưởng tích cực của tôn giáo trong đời sống xã hội Việt Nam, tìm hiểu xem những ảnh hưởng đó tác động như thế nào đến việc xây dựng nhà

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Qua đó, đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát huy những giá trị tôn giáo nhằm góp phần lành mạnh hoá đời sống, giảm thiểu các tệ nạn xã hội, củng cố các quan hệ pháp luật, nâng cao ý thức pháp quyền, tạo tiền đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Về vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội đã được đề cập đến trong triết học Aristote. Ông lý giải rằng, cùng một trạng thái vật chất, song vạn vật trong thế giới lại biểu hiện bằng nhiều dáng vẻ, điều đó chứng tỏ hình thức là nhân tố quan trọng. Hình thức là cái hiện thực, có tính bản chất và năng động, quyết định diện mạo và bản chất sự vật. Nếu vật chất không được hình thức hóa (transform) thì sẽ không có sự ra đời của sự vật. Từ cách lý giải đó, Aristote công nhận có một hình thức tối cao - hình thức của mọi hình

\*. ThS., Bộ môn Triết học, Đại học Bách khoa Hà Nội.

1. Xem: Max Weber. *Thuyết khổ hạnh và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, in trong *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng, 2006 và Lâm Hàn Hợp. *Max Weber*, Nxb. Thuận Hoá 2004.

2. Nguyễn Văn Dũng. *Max Weber và quan điểm của một số học giả Phương Tây về vai trò của Phật giáo trong xã hội Phương Đông*, in trong *Về tôn giáo và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. CTQG 2004, tr.150.

thức, nguyên nhân của mọi nguyên nhân, là động cơ đầu tiên sáng tạo nên thế giới. Tư tưởng này đặt nền móng cho sự ra đời *Mục đích luận* (Teleology), theo đó thì Chúa sáng tạo ra vạn vật trong thế giới xuất phát từ những mục đích ban đầu của Người. Mục đích luận đóng vai trò không nhỏ trong việc luận giải những vấn đề vũ trụ luận mà khoa học lúc đó còn bất lực, đồng thời là liệu pháp tâm lí góp phần giải toả, xoa dịu những khổ đau trong đời sống con người thời đó.

Vào thời Trung đại, tôn giáo có ý nghĩa hàng đầu trong đời sống xã hội. Triết học Trung đại<sup>(3)</sup> kết hợp chặt chẽ với ý thức hệ tôn giáo, mọi hệ thống triết học được xây dựng ít nhiều trên nguyên lí *mặc khải* và *nhất thần* - nguyên lí chung của Do Thái giáo, Kitô giáo, Islam giáo. Đa số các nhà triết học thời Trung đại là những người giữ trọng trách trong Giáo hội, họ được phong *Thánh* - một chức danh tối cao của Giáo hội, số còn lại thì đều kiêm thêm chức danh *Nhà thần học*; bởi *Thần học* là môn cơ bản bắt buộc trong các tu viện, các trường đại học thời kì này. Có thể nói, tất cả các nhà nước Châu Âu thời Trung đại đều được xây dựng dựa trên nền tảng chế độ *Thần quyền* - toà án giáo hội là cơ quan quyền lực cao nhất, giáo lí có sức mạnh hơn cả pháp luật nhà nước; còn triết học giai đoạn này được mệnh danh là *Giáo phụ học* (*Patrology*), có nhiệm vụ giải thích thế giới và đời sống nhân sinh cũng như trấn an tâm lí xã hội dựa trên quan niệm hai chân lí (tri thức và niềm tin).

Là hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hư ảo những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của con người vào trong đầu óc của nó<sup>(4)</sup>, tôn giáo có tiến trình phát triển lịch sử lâu

dài. Sự tiến hóa các hình thái tôn giáo được L. Feuerbach nghiên cứu trong *Những bài giảng về bản chất tôn giáo*. Ông cho rằng, hình thức tôn giáo ban đầu là *bái vật giáo* (fetishism), tức sùng bái các hiện tượng tự nhiên có tác động lớn đến đời sống con người như mặt trăng, mặt trời, sấm chớp, các cây cỏ thụ. Tiếp đến là hình thức *thờ vật tổ* (Totemism) - sùng bái các loài động thực vật có ảnh hưởng lớn đến đời sống và nền sản xuất của con người như một số cây, chim, thú, cá. Tiếp sau phong tục thờ vật tổ là việc *thờ cúng tổ tiên* nhằm mục đích tưởng nhớ và báo ân những người đã sinh thành, nuôi dưỡng một dòng họ, một tộc người nào đó - đây là nét đặc thù của tôn giáo Phương Đông. Theo Feuerbach, những hình thức tín ngưỡng sơ khai như đã nói trên là cơ sở cho việc xuất hiện *đa thần giáo* (Polytheism) - bước chuyển tiếp trung gian từ đó hình thành *độc thần giáo* (Monotheism). Sự xuất hiện độc thần giáo thể hiện bước tiến trong nhận thức con người, đồng thời phản ánh sự sùng bái của xã hội đối với người đứng đầu một cộng đồng, một nhà nước nào đó (đế chế, vua, v.v...) <sup>(5)</sup>.

Khi luận giải vấn đề vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội hiện đại, các nhà triết học Phương Tây có những cách nhìn nhận khác nhau<sup>(6)</sup>. Từ cách tiếp cận đời sống hiện thực, J.G. Frech cho rằng, tôn giáo là một thứ quyền lực cao hơn con

3. Xem: Doãn Chính và Đinh Ngọc Thạch. *Triết học trung cổ Tây Âu*. Nxb. CTQG 1999.

4. Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, Nxb. CTQG 1994, t. 20, tr. 437.

5. Xem: Lê Công Sự. *Triết học tôn giáo của L. Feuerbach*, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, số 1 và 2 - 2006.

6. Xem: *Những vấn đề nhân học tôn giáo*. Nxb. Đà Nẵng 2006.

người để mưu cầu điều thiện, quyền lực đó được tôn sùng là lực lượng chi phối tự nhiên và đời sống con người. Trên lập trường duy lí, H. Spencer khẳng định, tôn giáo là tín ngưỡng về một lực lượng nào đó vượt lên trên nhận thức con người. Khảo sát đời sống hiện thực, S. Freud coi tôn giáo như một liệu pháp tâm lí giải tỏa những khát vọng sống mà con người không thể đạt được trong đời sống. A. Reville coi tôn giáo như là sự xác định cuộc sống con người bằng mối liên hệ gắn kết linh hồn thần bí mà họ thừa nhận sự thống trị đối với thế giới và bản thân mình. Từ giác độ xã hội học, E. Durkheim cho rằng, tôn giáo là một biểu trưng (representation) tập thể “thể hiện sự tôn trọng trong tâm thức có một sức mạnh khiến nó kích thích hay ức chế một cách tự động mọi hành vi con người”<sup>(7)</sup>. Để hiểu một cách khách quan, đầy đủ về tôn giáo, chúng ta tham khảo quan niệm của A. G. Spirkin: “Tôn giáo là một khái niệm tổng thể phức tạp, bao gồm một huyền thoại nhất định, một hệ thống giáo điều, những hành động thờ cúng và lễ nghi, những thiết chế tôn giáo đã được xã hội hóa, những hình thức quan hệ qua lại cụ thể giữa tín đồ với tổ chức tôn giáo”<sup>(8)</sup>. Luận điểm như một định nghĩa này đã đáp ứng ý nghĩa từ nguyên học (Etymology)<sup>(9)</sup> như Ăngghen nói: “Tôn giáo là bắt nguồn từ từ religare mà ra, và lúc đầu có nghĩa là liên hệ”<sup>(10)</sup> - đó là mối liên hệ giữa Người và Thần, giữa chủ thể (thế giới nội tâm) và khách thể (giới tự nhiên), giữa cá nhân và xã hội.

Là một quốc gia nằm ở bán đảo Đông Dương, có đường biên giới giáp với nhiều nước và giáp biển, Việt Nam có những thuận lợi trong việc giao lưu văn hoá và tiếp nhận các tôn giáo bên ngoài. Ngay sau khi mới xuất hiện ở Trung Quốc (đời

Hán), Đạo giáo dần dần du nhập vào đất Việt. Sự ra đời của Đạo giáo đã bổ sung những điểm còn hạn chế, thiếu hụt trong Nho giáo, đó là lối sống giao du, vui thú giữa thiên nhiên (theo Thiên đạo). Khác với Nho giáo, Đạo giáo dễ dàng tìm thấy chỗ đứng trong đời sống tinh thần người Việt. Dòng phái thần tiên trong Đạo giáo là nguồn cảm hứng cho người Việt sáng tạo nên những huyền tích như Chủ Đổng Tử, Từ Thức gặp Tiên, v.v... Các huyền tích này mang tính nhân văn cao cả và có ý nghĩa giáo dục đạo đức theo triết lí sống “ở hiền gặp lành” của người Việt<sup>(11)</sup>. Hơn thế, trên quan điểm “Vô vi nhi trị”, Đạo giáo khuyên nhủ các bậc vua, chúa không nên quá chủ quan, manh động vì “pháp luật tư chương, đạo tặc đa hữu” (pháp luật càng nhiều, trộm cướp càng lắm)<sup>(12)</sup>, mà tốt nhất là nên tạo điều kiện cho dân phát triển tự do.

Du nhập muộn hơn so với Nho và Đạo, song Phật giáo có một vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội người Việt<sup>(13)</sup>. Với những quan niệm mang tính triết lí nhân bản sâu sắc như Giới - Định - Tuệ, từ bi, bác ái, bố thí, phóng sinh, lối sống nặng về phương diện tinh thần, khuyên nhủ con người loại trừ tham - sân - si, v.v... Qua tiến trình lịch sử, Phật giáo

7. Emile Durkheim. *Tôn giáo như một biểu trưng tập thể*, in trong *Những vấn đề nhân học tôn giáo*, Sđd., tr. 65.

8. A. G. Spirkin. *Triết học xã hội*, gồm 2 tập. Nxb. Tuyên huấn 1989, tập 2. tr. 139 - 140.

9. Ngôn ngữ học, giải thích nội dung, ý nghĩa của thuật ngữ xuất phát từ nguồn gốc xuất xứ của chính nó.

10. C. Mác và Ph. Ăngghen. Sđd., t.21, tr. 417.

11. Xem: Phan Ngọc. *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb. Văn hoá Thông tin 1998.

12. Lão Tử. *Đạo đức kinh*, Nxb. Văn học 1995, chương LVII.

13. Xem: Nguyễn Hồng Dương. *Nghiên cứu và ứng dụng các giá trị văn hoá Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay*, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, số 5 - 2008.

đã ăn sâu vào tâm thức người Việt và trở thành phương thức tư duy, cách đối nhân xử thế thấu lí, đạt tình, góp phần tích cực trong việc hình thành và thực hiện ý thức pháp quyền, vì trong tâm thức Phật tử luôn thường trực tư tưởng “ác giả, ác báo”, “kẻ nào gieo gió, kẻ đó gặt bão”, “đời cha ăn mặn, đời con khát nước” - nghĩa là ngoài chế tài luật nhà nước, mọi tội ác đều có một sự trừng phạt vô hình nào đó của Đấng siêu nhân. “Thực tế lịch sử cho thấy, ngoại trừ thiếu số trong một không gian và thời gian nhất định nào đó, nhìn chung Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc”<sup>(14)</sup>.

Tuy được hình thành từ lâu, song do những điều kiện lịch sử, nên Kitô giáo (Christianism), cụ thể là một trong những dòng phái của nó là Công giáo (Catholicism) được truyền vào nước ta khá muộn. Theo một số tài liệu thì Công giáo bắt đầu truyền vào nước ta từ đời vua Lê Trang Tôn (1533)<sup>(15)</sup>. Công lao truyền giáo thuộc về các giáo sĩ người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, mà điển hình là giáo sĩ người Pháp - Alexandre de Rhodes (1591- 1660). Để dễ dàng truyền đạo, ông cùng các giáo sĩ khác đã phiên âm và Latinh hoá tiếng Việt, tạo nên hệ thống ngôn ngữ (chữ Quốc ngữ) mà ngày nay chúng ta đang dùng. Nhưng đáng tiếc là “chính do sự thâm nhập và hoạt động gián điệp của bọn đội lốt tôn giáo và do tôn giáo mới trái với một số phong tục tập quán cổ truyền của dân tộc, xúc phạm đến đạo lí Nho giáo, nên chính quyền Trịnh, Nguyễn nhiều lần ra lệnh cấm đạo”<sup>(16)</sup>. Trải qua bao sự thăng trầm, cuối cùng Công giáo cũng tìm được chỗ đứng và có một ảnh hưởng không nhỏ trong đời sống xã hội Việt Nam. Lịch sử

đã ghi nhận công lao to lớn của người Công giáo yêu nước - nhà cải cách thế kỉ XIX Nguyễn Trường Tộ, và những linh mục, tu sĩ tham gia phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX của Phan Bội Châu<sup>(17)</sup>.

Năm 1926, tại Tây Ninh, đạo Cao Đài - một tôn giáo bản địa Việt Nam được thành lập dựa trên sự thống nhất năm tôn giáo lớn, gọi là ngũ chi hợp nhất (Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo, Kitô giáo, Thần giáo)<sup>(18)</sup>. Sự ra đời của đạo Cao Đài phản ánh tinh thần dung hợp Đông - Tây cũng như lòng bao dung và hoà hợp tôn giáo của người Việt<sup>(19)</sup>. Những giáo lí, đạo pháp và nghi lễ của tôn giáo bản địa này đã góp thêm sự đa dạng trong văn hoá tâm linh người Việt, đồng thời có tác động tích cực trong đời sống xã hội, nhất là trong việc tạo tiền đề lí luận và thực tiễn cho việc lập pháp, hành pháp.

Ngoài hệ tư tưởng những tôn giáo kể trên, trong đời sống xã hội và pháp luật người Việt, Islam giáo, đạo Tin Lành (Protestantism) và Phật giáo Hoà Hảo đóng một vai trò không kém phần quan trọng. Tuy giáo lí, nghi lễ và số lượng tín đồ của các tôn giáo này khác nhau, song các tôn giáo đó đều gặp nhau ở tính nhân

14. Lê Tâm Đắc. *Đóng góp của Phật giáo Miền Bắc với sự nghiệp giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỉ XX, Nghiên cứu tôn giáo*, số 6 - 2008, tr.13.

15. Xem: *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. KHXH 1974, tr. 304.

16. *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd., tr. 304.

17. Xem: Nguyễn Hồng Dương. *Tìm hiểu tổ chức xứ, họ đạo của công giáo ở Miền Bắc từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XX, và Bước đường hội nhập văn hoá dân tộc của Công giáo Việt Nam* in trong *Về tôn giáo và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Sđd., tr. 389 - 406 và tr. 407- 438.

18. Xem: Viện nghiên cứu Tôn giáo. *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài*, Nxb. KHXH, 1995.

19. Xem: Trần Ngọc Thêm. *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh 2004, tr. 559 -573.

văn, tư duy hướng thiện và có ý nghĩa to lớn trong việc hình thành và thực hiện ý thức pháp quyền. Bởi vì, nhiều quan niệm đạo đức và giáo lí các tôn giáo này khá phù hợp với lối sống duy tình, duy nghĩa của người Việt và các quy phạm pháp luật nhà nước.

Trên đây chúng tôi đã nêu những nét bao quát về Nho giáo và một số tôn giáo đã và đang thịnh hành ở nước ta. Nhưng như tiêu đề đã nêu, nội dung cơ bản đặt ra trong bài viết là tìm hiểu xem hệ tư tưởng Nho giáo và các giáo lí tôn giáo khác có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống xã hội và đến việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay? Để trả lời câu hỏi này, trước hết chúng ta phải tìm hiểu mối quan hệ giữa pháp luật và tôn giáo.

“Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là yếu tố điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm tạo ra trật tự và ổn định trong xã hội”<sup>(20)</sup>. Theo định nghĩa này, chúng ta hiểu rằng, trong bất kì thời đại nào, quốc gia nào, pháp luật luôn gắn liền với nhà nước, nói rõ hơn, chủ thể tạo ra pháp luật là giai cấp nắm trong tay bộ máy nhà nước. Với tư cách là công cụ quản lí nhà nước, cùng một lúc, pháp luật thực hiện hai chức năng cơ bản: 1) Chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, nghĩa là trật tự hoá các quan hệ xã hội, đưa chúng vào những khuôn mẫu, chế tài mặc định, buộc mọi công dân phải nhất quán tuân thủ và 2) Chức năng giáo dục, nghĩa là tác động vào ý thức, tâm lí công dân, buộc họ hành động phù hợp với những điều do nhà nước quy định (thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ pháp lí công dân).

“Ý thức tôn giáo trong ý nghĩa khái quát của nó nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người về một hệ thống giá trị đạo đức tuyệt đối, không thể bác bỏ được, nhất thiết phải tuân thủ, về việc đem lại ý nghĩa cho cuộc đời mỗi con người riêng rẽ, về sự đảm bảo theo cách này hay cách khác cho thắng lợi của lẽ công bằng”<sup>(21)</sup>. Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, một hệ tư tưởng phản ánh đời sống tâm linh xã hội, tôn giáo có những chức năng như: chức năng đền bù hư ảo; chức năng thế giới quan; chức năng đoàn kết và giao tiếp cộng đồng; chức năng giáo dục văn hoá và điều chỉnh hành vi đạo đức<sup>(22)</sup>. Nhìn từ góc độ cuộc sống hiện thực, có thể nói, tôn giáo ảnh hưởng tích cực đến sự hình thành và điều chỉnh ý thức đạo đức, mà ý thức đạo đức là cơ sở hình thành và củng cố ý thức pháp quyền cũng như việc thực thi pháp luật.

Là những hình thái ý thức xã hội đặc biệt, tôn giáo và pháp luật đều mang tính lịch sử (nội dung và hình thức thay đổi theo hoàn cảnh lịch sử), tính chính trị (tính giai cấp) và tính quần chúng (được đông đảo mọi người chấp nhận)<sup>(23)</sup>. Do vậy khi lập pháp người ta luôn phải tính đến một trong những nguồn luật quan trọng - những giáo lí, đặc biệt là ở các quốc gia theo Islam giáo thì luật Islam giáo là cơ sở lí luận cho việc soạn thảo văn bản luật nhà nước.

20. Giáo trình *Lí luận chung về nhà nước và pháp luật* (khoa Luật, Đại học tổng hợp Hà Nội), Nxb. ĐHTHVN, 1992, tr. 226.

21. A. G. Spirkin. Sđd., tr. 144.

22. Xem: Nguyễn Hữu Vui. *Tôn giáo và đạo đức - nhìn từ mặt triết học*, Tạp chí *Triết học* số tháng 4 - 1993.

23. Xem: *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. CTQG, 2006, tr. 229 - 231.

Trong lịch sử nhà nước phong kiến Việt Nam, khi soạn thảo các bộ luật mà điển hình là bộ luật Hồng Đức (triều đại nhà Lê) và bộ luật Gia Long (triều đại nhà Nguyễn)<sup>(24)</sup>, các quan lại trong bộ máy triều đình đã nghiên cứu và vận dụng triệt để các giáo lí. Ví dụ, trong Bộ luật Hồng Đức, tội thập ác, tức mười tội nghiêm trọng phải xử phạt nặng nhất đa số là những tội vi phạm tín ngưỡng tôn giáo (trộm cắp đồ thờ cúng), tội vi phạm quan hệ cha, mẹ - con cái, thầy- trò, vợ - chồng, bạn hữu (ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo), tội vi phạm tính mạng và nhân phẩm người khác (ảnh hưởng tư tưởng ngũ giới Phật giáo)<sup>(25)</sup>.

Do tôn giáo có tầm ảnh hưởng đến pháp luật như vậy, nên trong lịch sử nước Việt không ít các truyền thuyết phản ánh mối quan hệ giữa người cầm quyền (vua, chúa) và tín ngưỡng tôn giáo. Nói rõ hơn, các bậc vua, chúa phong kiến Phương Đông thường mượn các chuyện huyền bí phủ lên các sự kiện đời thường để nâng cao uy tín và quyền lực của mình, chẳng hạn ở Trung Quốc người ta gọi vua là Thiên Tử (Con Trời), được giáng xuống trần gian “thế Thiên hành đạo”, nên công chúng phải một lòng một dạ tuân theo. Còn ở Việt Nam, ai cũng biết các truyền thuyết như: 1) Thần Kim Quy giúp An Dương Vương xây thành Cổ Loa và ban tặng nỏ thần, giúp vua đánh giặc. 2) Chuyện về thân thế Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế), lịch sử kể lại rằng, mẹ Mai Thúc Loan khi lên rừng kiếm củi thấy bàn chân khác lạ, liền ướm thử, về nhà có chửa và sinh hạ ra ông. Câu chuyện đó được lưu truyền trong dân gian làm cho uy thế của người đứng đầu cuộc khởi nghĩa, sau đó trở thành vị vua vốn xuất

thân từ nông dân này thêm gia tăng. 3) Giai thoại kể rằng, sau khi dâng Bình Ngô sách, Nguyễn Trãi bàn với Lê Lợi lấy mỡ viết lên lá cây dòng chữ: “Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần”, kiến ăn mỡ trên lá, hiện rõ dòng chữ, lá cây rụng đất hay trôi theo dòng nước, bay theo gió, nhân dân khắp vùng nhất được và tin đây là ý trời, nên hết sức, hết lòng theo hai ông đánh thắng giặc Minh. Thắng lợi của cuộc kháng chiến hơn mười năm chống quân Minh còn được thêu dệt bằng truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm”, nhờ có thanh gươm thần Kim Quy ban tặng mà Lê Lợi đã làm nên sự nghiệp.

Trong lịch sử Việt Nam cận đại, thủ lĩnh các cuộc khởi nghĩa chống Pháp thường mượn danh các đạo sĩ (Đạo giáo) lấy ma thuật làm vũ khí tinh thần gây lòng lạc quan, chí khí chiến đấu cho nghĩa quân. Mạc Đĩnh Phúc trong khởi nghĩa 1895 ở Bắc Bộ đã tuyên truyền rằng mình có phép làm cho súng Pháp quay trở lại bắn Pháp. Võ Trứ (Bình Định) và Trần Cao Vân (Quảng Nam) cho nghĩa quân đeo bùa đánh giặc<sup>(26)</sup>.

Từ lịch sử quá khứ trở về hiện tại, chúng ta thấy trong thời đại khoa học - công nghệ phát triển cao như hiện nay, bản chất và hình thức tôn giáo tuy thay đổi ít nhiều, song vai trò của nó trong đời sống xã hội thì hầu như vẫn không hề biến chuyển. Bên cạnh các hình thái ý thức xã hội khác như chính trị, pháp luật, đạo đức, nghệ

24. Xem: *Tập bài giảng lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam* (Trường đại học Luật Hà Nội), Nxb. CTQG, 1996.

25. Xem: *Tập bài giảng lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Sđd., tr. 130 -131.

26. Xem: Trần Văn Giàu. *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ XIX đến cách mạng tháng Tám*, gồm 2 tập, Nxb. KHXH, 1975.

thuật, khoa học, v.v... tôn giáo đang góp phần vô cùng quan trọng trong việc điều chỉnh hành vi con người, tác động tích cực đến các mối quan hệ xã hội, củng cố và phát huy các chuẩn mực, giá trị đạo đức, xây dựng lối sống lành mạnh theo hướng “tốt đời, đẹp đạo”. Chính vì lý do này, chúng tôi thiết nghĩ, để đạt kết quả tốt trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, chúng ta nên tham khảo các giáo lí, các quan niệm đạo đức và đời sống tâm lí tôn giáo. Hãy lấy ví dụ về một số điều luật trong “Tân luật” của đạo Cao Đài, để qua đó thấy rằng, tư tưởng tôn giáo này có nhiều điều khá phù hợp với các quy phạm trong luật pháp nhà nước:

“Về ngũ giới cấm. Hễ nhập môn rồi thì phải trau dồi tánh hạnh, cần giữ ngũ giới cấm là: 1. Nhứt bất sát sanh, là chẳng nên sát hại sanh vật. 2. Nhị bất du đạo, là cấm trộm cướp, lấy ngăn, lường gạt của người; hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian... cờ bạc gian lận. 3. Tam bất tà dâm, là cấm lấy vợ người, thả theo đàn đĩm, xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt. 4. Tứ bất tử nhục, là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho xáo động xóm làng. 5. Ngũ bất vọng ngữ, là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người ... kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mãng, thô tục, chửi rủa người, huỷ báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa...”<sup>(27)</sup>.

“... Thế luật. Người được nhập môn hành đạo phải tuân y thế luật như sau này:

Điều thứ nhất - Hễ thọ giáo với một Thầy thì tử như con một cha. Phải thương yêu nhau: liên lạc nhau, giúp đỡ nhau, lấy lòng thành thật mà đối đãi nhau, dịu

dắt nhau trong đường đạo và đường đời. Điều thứ hai - Nhập đạo rồi thì phải quên những việc oán thù khi trước; phải tránh các việc ganh ghét tranh đua và kiện cáo, phải nhẫn nhịn và hoà thuận với nhau. Rủi có điều chi xích mích, phải vui nghe người làm đầu trong họ phân giải. Điều thứ ba - Phải giữ tam cương, ngũ thường là nguồn cội của nhân đạo; nam thì hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ, nữ thì tòng phụ, tòng phu, tòng tử và công, dung, ngôn, hạnh. Điều thứ tư - Ra giao thiệp với đời thì phải tập và giữ tánh ôn, lượng, cung khiêm nhượng...”<sup>(28)</sup>.

Những giáo lí trên của đạo Cao Đài mang tính nhân bản sâu sắc và tính pháp lí nghiêm ngặt, ngôn ngữ thể hiện dễ hiểu, logic và chặt chẽ; nếu các tín đồ thực hiện các giáo lí nhất quán và đầy đủ thì chắc hẳn xã hội sẽ yên bình, bộ máy hành pháp, tư pháp giảm bớt việc làm. Về vấn đề này, Nguyễn Sĩ Dũng đã nói rất có lí rằng, “nếu lợi ích và các quy phạm khác vẫn còn có thể phát huy được tác dụng, thì không nên lạm dụng pháp luật”, vì theo ông điều chỉnh quan hệ xã hội bằng các văn bản và quy phạm pháp luật “là cách điều chỉnh tốn kém hơn (điều chỉnh bằng chuẩn mực đạo đức và giáo lí tôn giáo - HTH) và ảnh hưởng đến quyền tự do của con người”<sup>(29)</sup>. Bởi vì, từ xưa đến nay “nhân vật gây ảnh hưởng sâu xa nhất trên thế giới, không phải là nhà khoa học, nhà chính trị mà là người sáng lập ra tín ngưỡng”<sup>(30)</sup>. Từ đó có thể suy ra

27. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài*, Sdd., tr. 389.

28. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài*, Sdd., tr. 392 - 393.

29. Nguyễn Sĩ Dũng. *Bàn về triết lí của lập pháp*, Tạp chí *Nghiên cứu Lập pháp*, số 6 - 2003, tr. 7.

30. Phùng Đạt Văn. *Tín ngưỡng và lí tính*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5 - 2003, tr. 11.

rằng, lời nói những người đứng đầu giáo phái có sức mạnh to lớn như thế nào đối với tín đồ và công chúng nói chung<sup>(31)</sup>.

Các giáo lí và quan niệm đạo đức tôn giáo không chỉ là cơ sở lí luận cho việc soạn thảo luật pháp, trong thực tế, chúng ta thấy, đời sống tâm lí của các tín đồ có thể làm cơ sở thực tiễn cho việc thi hành và bảo vệ pháp luật. Ai đã từng đọc truyện *Tội ác và sự trừng phạt* của nhà văn Dostoievski (Nga), mới hiểu rằng, không có toà án nào phán xét con người công bằng, hợp lí và hữu hiệu hơn toà án lương tâm kẻ phạm tội. Có lẽ do dựa trên đặc điểm tâm lí này mà trong Kitô giáo có nghi lễ thú tội (xưng tội). Trong cuốn *Triết học đạo đức*<sup>(32)</sup> các tác giả Vladimir Soloviev (Nga), Karol Wojtyla (Balan), Albert Schweitzer (Đức), đều đề cao vai trò thuyết khổ hạnh trong tôn giáo. Theo họ, các hệ thống tôn giáo - đạo đức đều dạy con người phải biết làm chủ bản thân, biết kiềm chế những dục vọng xác thịt - vật chất, để ưu tiên cho những phúc lợi tinh thần. Lối sống khổ hạnh<sup>(33)</sup> là một yêu cầu luân lí thể hiện trách nhiệm của con người đối với bản thân mình, đồng thời là phương tiện đưa con người đi tới những mục tiêu cao nhất của nhân sinh. Không hẹn mà gặp, quan điểm này của họ đã được luận giải một cách khá cụ thể, chi tiết (bằng những ví dụ cuộc sống sinh động) trong triết lí nhân sinh của triết gia Ấn Độ, người đã từng đứng đầu Hội Ngôi Sao Đông Phương - Krishnamurti<sup>(34)</sup>.

Từ những phân tích trên, chúng ta thấy rằng, tôn giáo đang đồng hành cùng dân tộc trên bước đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa của dân, do dân, vì dân<sup>(35)</sup>; đạo pháp và pháp luật đang từng bước xích lại gần nhau. Điều này đã được phản ánh rõ trong *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX* của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo với đồng bào không theo tôn giáo... Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của nhà nước”<sup>(36)</sup>.

Nhận thức đúng đắn đó của Đảng và Nhà nước ta là đột phá khẩu mở ra một thời kì mới trong quan hệ thân thiện giữa nhà nước và giáo hội, giữa đồng bào theo đạo và không theo đạo. Nhận thức này càng được củng cố và khẳng định qua *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX* của Đảng: “Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công

31. Hegel cũng đã lưu ý rằng, cùng một lời nói, nhưng phát ra từ miệng những người khác nhau, sẽ có tác dụng khác nhau.

32. Xem: *Triết học đạo đức*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội 2002.

33. Khổ hạnh (Asceticism) ở đây được hiểu như là lối sống giản dị, tiết kiệm, hiệu quả chứ không phải là sự ép xác tu thân hay sống một cuộc đời nhàn nhạt, nghèo nàn, khắc khổ.

34. Xem: Krishnamurti. *Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống*, Nxb. Văn hoá Sài Gòn, 2007.

35. Xem thêm: Đặng Nghiêem Vạn. *Tôn giáo và Tổ quốc*, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, số 1- 2008.

36. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001, tr. 128.

dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”<sup>(37)</sup>.

Để luận đề “sống tốt đời đẹp đạo” đi vào cuộc sống, theo chúng tôi, Đảng và Nhà nước nên quan tâm nhiều hơn đến công tác tôn giáo, trùng tu các di tích tôn giáo - tín ngưỡng; sưu tầm, bảo quản tốt các cổ vật tôn giáo - tín ngưỡng; biên dịch các kinh sách; tăng số lượng chức sắc tôn giáo trong tổng số đại biểu Quốc hội; khuyến khích phát triển và xã hội hoá các ngày lễ tín ngưỡng - tôn giáo; đầu tư thích đáng cho việc phát triển chuyên ngành xã hội học tôn giáo; đưa tri thức tôn giáo lồng vào nội dung các môn khoa học nhân văn giảng dạy trong các trường trung học và cao đẳng, đưa Tôn giáo học vào giảng dạy như một bộ môn trong các trường đại học<sup>(38)</sup>. Từ trong bản chất, tôn trọng quyền tự do tôn giáo cũng chính là tôn trọng quyền con người, là tôn trọng nhu cầu đời sống tâm linh, nhờ đó mọi công dân càng tin tưởng hơn vào chế độ<sup>(39)</sup>. Lịch sử cho thấy, trong các chế độ

mà chính quyền nhà nước có ác cảm với tôn giáo thì đều không được dân tin yêu, ủng hộ.

Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là việc làm lâu dài, phức tạp, không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực từ phía chính quyền nhà nước mà cần huy động sức mạnh toàn dân. Nói cách khác, cần xã hội hoá vấn đề này, trong đó nên chú ý đến sự ảnh hưởng tính đạo đức - nhân văn của các giáo lí tôn giáo đến việc soạn thảo, thi hành và bảo vệ pháp luật. Cần quan tâm hơn nữa đến đời sống tâm lí tôn giáo cũng như đời sống tâm linh của công chúng. Bởi vì, trong bất kì một thời đại nào, một xã hội nào, luật pháp không tách rời Đạo pháp, Đời không thể nào tách rời khỏi Đạo<sup>(40)</sup>./.

37. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2006, tr. 122 - 123.

38. Xem: Lê Văn Đính. *Giáo dục ý thức pháp luật cơ sở quan trọng đảm bảo cho các sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo phù hợp với lợi ích dân tộc*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 4 - 2008.

39. Xem: Nguyễn Thị Nga. *Quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen về bản chất của tôn giáo và việc giải quyết vấn đề tôn giáo ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Lí luận chính trị, số 6 - 2003.

40. Xem: Hà Thúc Minh. *Đạo và Đời*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 3 - 2004, và *Thế giới nội tâm và thế giới bên ngoài*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 3 - 2008.